



Published by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



Tài liệu kỹ thuật hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái vào nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh

ÁP DỤNG CHO TỈNH KIÊN GIANG, AN GIANG VÀ BẠC LIÊU CỦA ĐỒNG BẰNG
SÔNG CỬU LONG

Ấn phẩm

Được xuất bản bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Văn phòng đăng ký

Bonn và Eschborn, Đức

Chương trình Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái rừng tại Việt Nam.

Tháng 12 năm 2019

Tác giả

Võ Thanh Sơn

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ hay BMZ.

GIZ và BMZ từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

Thay mặt cho

Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ)

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC BƯỚC LỒNG GHÉP DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI TRONG XÂY DỰNG QUY HOẠCH TỈNH

Việc xem xét, lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái vào trong các chính sách phát triển nói chung và xây dựng quy hoạch tỉnh nói riêng là một cách tiếp cận theo hướng phát triển bền vững nhằm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội. Định hướng phát triển bền vững đã được xác định rõ ở tầm quốc tế (Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững SDG), quốc gia (Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với 17 mục tiêu chung và 115 mục tiêu cụ thể) và ở địa phương (các chính sách, quy hoạch, kế hoạch liên quan tới phát triển bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, tăng trưởng xanh...). Yêu cầu xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong các chính sách phát triển và sử dụng bền vững giá trị đa dạng sinh học nói chung, hệ sinh thái nói riêng, đã được nhấn mạnh trong thực hiện công ước Đa dạng sinh học (mà Việt Nam là thành viên), trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Mục tiêu 14.4) và trong Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Mục tiêu tổng quát).

Những thông tin khái quát về lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong suốt quá trình lập quy hoạch của tỉnh, tức là từ Bước Xây dựng nhiệm vụ (Bước A) tới Bước Phê duyệt quy hoạch (Bước G) có thể được tham khảo từ Tài liệu do Viện Tài nguyên và Môi trường (VNU-CRES), Đại học Quốc gia Hà Nội xây dựng về “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”.

Như vậy, theo Điều 16 của Luật Quy hoạch, quy trình lập quy hoạch ở Việt Nam được khái quát thành 8 bước như sau:

Bước A: Cơ quan lập quy hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan cấp quốc gia (bộ, ngành), hoặc cấp địa phương (sở, ủy ban nhân dân cấp huyện) xây dựng nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch.

Bước B: Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch phối hợp với các cơ quan cấp trung ương (bộ, ngành), hoặc cấp địa phương (sở, ủy ban nhân dân cấp huyện) nghiên cứu, đánh giá thực trạng.

Bước C: Cơ quan lập quy hoạch đề xuất quan điểm chỉ đạo và mục tiêu vĩ mô

Bước D: Cơ quan, tổ chức liên quan cấp trung ương (bộ, ngành) hoặc cấp địa phương (tỉnh, huyện) lập nội dung quy hoạch theo phân công.

Bước E: Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định.

Bước F: Cơ quan lập quy hoạch tổ chức thẩm định quy hoạch

Bước G: Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định.

Hình 1 dưới đây mô tả các Bước trong Quy trình lập quy hoạch ở Việt Nam (Cột trái) và nội dung và hoạt động lồng ghép DV HST ở các bước tương ứng (Cột phải).



Hình 1. Sơ đồ lồng ghép DV HST vào quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam

Như vậy, theo quy trình lập quy hoạch ở trên thì công việc của tỉnh đang thực hiện là nằm trong Bước A – Xây dựng nhiệm vụ quy hoạch.

Đi về cụ thể, nội dung lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong Bước A được thực hiện theo những nội dung cụ thể sau:

Bước A. Cơ quan lập quy hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan cấp quốc gia (bộ, ngành), hoặc cấp địa phương (sở, ủy ban nhân dân cấp huyện) xây dựng nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch

Mục tiêu lồng ghép

Mục tiêu của Bước A trong Luật quy hoạch là xây dựng được nhiệm vụ và kinh phí lập quy hoạch. Vì vậy, *mục tiêu của việc lồng ghép DV HST* trong giai đoạn xây dựng nhiệm vụ và kinh phí này là để xác định các yêu cầu, nguyên tắc, nội dung của việc lồng ghép DV HST vào nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch.

Thực tế, việc xem xét DV HST trong chính sách phát triển nói chung, đặc biệt trong quy hoạch phát triển nói riêng, đã được Công ước quốc tế về ĐDSH khuyến cáo tất cả các nước áp dụng, mà Việt Nam là một nước thành viên của Công ước này. Luật ĐDSH và Chiến lược quốc gia về ĐDSH cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng bền vững giá trị ĐDSH và xem xét DV HST trong các chính sách phát triển. Chính vì vậy, tổ chức Hỗ trợ phát triển của của Đức (GIZ) đã đúc kết những kinh nghiệm trên thế giới và xây dựng được tài

liệu “Lồng ghép các DV HST vào quy hoạch phát triển: Cách tiếp cận từng bước cho người thực hành dựa trên tiếp cận TEEB” (Xem Bảng 1).

Bảng 1. Tóm tắt các bước lồng ghép các dịch vụ hệ sinh thái vào quy hoạch phát triển

Nội dung chính	Các bước lồng ghép	Miêu tả các bước
<i>Sự phụ thuộc và ảnh hưởng của quy hoạch phát triển tới các DV HST</i>	Bước 1. Xác định phạm vi lồng ghép	Xác định các mục tiêu, phạm vi, và các bên liên quan chính tham gia
	Bước 2. Sàng lọc và sắp xếp thứ tự ưu tiên các DV HST quan trọng	Xác định thứ tự ưu tiên cho các DV HST có liên quan nhất với quy hoạch phát triển và các đối tượng mục tiêu/đối tượng hưởng lợi cũng như bị ảnh hưởng của quy hoạch phát triển
<i>Cơ hội và rủi ro do các DV HST đặt ra cho quy hoạch phát triển</i>	Bước 3. Xác định điều kiện, xu hướng và sự đánh đổi về DV HST	Phân tích tình trạng và các xu hướng chính hiện nay trong mối quan hệ cung và cầu đối với các DV HST được chọn, bao gồm những tác nhân/yếu tố chính ảnh hưởng đến các DV HST đó.
	Bước 4. Thẩm định khung thể chế và văn hóa	Tổng quan về khung thể chế và văn hóa, bao gồm việc phân tích các chính sách, quy định và quy tắc không chính thức trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến HST trọng tâm, cũng như xem xét các bên có liên quan chính liên quan/ảnh hưởng tới quản lý HST.
<i>Những giải pháp chính sách nhằm tránh được những chi phí và tận dụng được những lợi ích</i>	Bước 5. Chuẩn bị cho việc ra các quyết định tốt hơn	Tóm tắt những rủi ro và cơ hội chính cho quy hoạch phát triển nhằm thẩm định những lựa chọn/phương án và các công cụ chính sách khác nhau để duy trì hoặc tăng số lượng các DV HST được lựa chọn có liên quan đến quy hoạch phát triển và/hoặc để giảm bớt hoặc tránh bất kỳ tác động tiêu cực nào của các DV HST và người sử dụng chúng phát sinh từ quy hoạch phát triển.
	Bước 6. Thực thi thay đổi	Xác định chiến lược thực hiện và kế hoạch cụ thể bao gồm các chính sách và các công cụ, sự tham gia của các bên liên quan, trách nhiệm và hành động, cũng như các nguồn tài chính.

Nguồn: GIZ (2012).

Sổ tay hướng dẫn này đã áp dụng 6 bước lồng ghép của GIZ trong từng bước lập quy hoạch cụ thể ở Việt Nam và sử dụng các ví dụ minh họa hoặc bài tập đã được áp dụng ở 7 lớp tập huấn cho các cán bộ quy hoạch từ 63 tỉnh/thành của cả nước.

Nguồn lực

Cơ quan lập quy hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan khác huy động các nguồn lực để thực hiện các công việc này bao gồm nguồn nhân lực phù hợp, nguồn tài chính và điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức các nội dung lồng ghép.

Nội dung lồng ghép

Lồng ghép DV HST là điều kiện bắt buộc trong quá trình lập quy hoạch. Để làm được việc này, cơ quan lập quy hoạch phải đưa nội dung đánh giá DV HST và lồng ghép DV HST trong khi xác định các nhiệm vụ quy hoạch.

Có 3 nội dung lớn cần được tích hợp trong các nhiệm vụ quy hoạch, đó là:

- i. Xem xét sự phụ thuộc và ảnh hưởng của các ngành quan trọng / ngành mũi nhọn tới các DV HST, bao gồm việc xác định phạm vi lồng ghép (không gian, thời gian và nội dung) và sàng lọc và sắp xếp thứ tự ưu tiên các DV HST quan trọng cho các ngành quan trọng / ngành mũi nhọn đó.
- ii. Xem xét những cơ hội và rủi ro do các DV HST đặt ra cho ngành quan trọng / ngành mũi nhọn, bao gồm việc xác định điều kiện, xu hướng và sự đánh đổi về DV HST và đánh giá về thể chế, chính sách liên quan tới các DV HST.
- iii. Đề xuất được những giải pháp chính sách để tận dụng tối đa lợi ích DV HST đem lại và hạn chế đến mức thấp nhất những chi phí hay thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Hộp 1. Một số điểm giống và khác nhau trong việc lồng ghép DV HST cho các loại quy hoạch

- Việc lồng ghép DV HST vào trong quy hoạch đều tuân thủ theo trình tự logic thực hiện như nhau.
- Phạm vi của việc lồng ghép có sự khác biệt cho các loại quy hoạch: Quy hoạch tổng thể cấp quốc gia có phạm vi không gian và thời gian lớn hơn, và nội dung lồng ghép khá quát hơn, so với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.
- Mức độ chi tiết của việc lồng ghép có sự khác biệt cho các loại quy hoạch: Quy hoạch tổng thể cấp quốc gia có mức độ khá quát cao hơn, và vì vậy quy hoạch này thường sử dụng như những định hướng cho những quy hoạch thấp hơn (quy hoạch vùng và tỉnh).
- Tương tự như vậy khi xem xét các HST và DV HST của chúng, Quy hoạch cấp quốc gia có thể xem xét đến các vùng sinh thái (biome/bioregion) hay tới hệ thống các khu bảo tồn/vườn quốc gia còn quy hoạch tỉnh có thể xem xét chi tiết đến các hệ sinh thái cụ thể (như HST rừng nhiệt đới trên cạn, rừng ngập mặn ven biển hoặc rạn san hô dưới biển).

Căn cứ theo những quy định hiện hành của nhà nước về xây dựng dự trữ tài chính (Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT của Bộ KH&ĐT Hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch ký ngày 17/5/2019) mà đề xuất kinh phí thực hiện được những nội dung lồng ghép DV HST nêu trên.

Phương pháp lồng ghép

Phương pháp chung được áp dụng trong bước này là rà soát các tài liệu liên quan (quy hoạch các cấp và cơ sở dữ liệu sẵn có) và tham vấn các bên liên quan, bao gồm cán bộ của cơ quan lập quy hoạch và các bộ, ngành (đối với cấp quốc gia) hoặc các sở, UBND huyện (đối với cấp địa phương/tỉnh). Có thể sử dụng một số các phương pháp thông dụng như phân tích khung logic DPSIR đầy đủ (Động lực-Áp lực-Hiện trạng-Tác động-Phản hồi) hay khung logic rút gọn PSR (Áp lực-Hiện trạng-Phản hồi). Công cụ phân tích SWOT (Mặt mạnh-Mặt yếu-Cơ hội-Thách thức) cũng có thể là một công cụ thích hợp cho hoạt động này.

Các thông tin cần thu thập và xử lý bao gồm các chính sách, quy hoạch, kế hoạch và cơ sở dữ liệu sẵn có liên quan tới việc xây dựng nội dung quy hoạch cụ thể.

Cơ quan liên quan

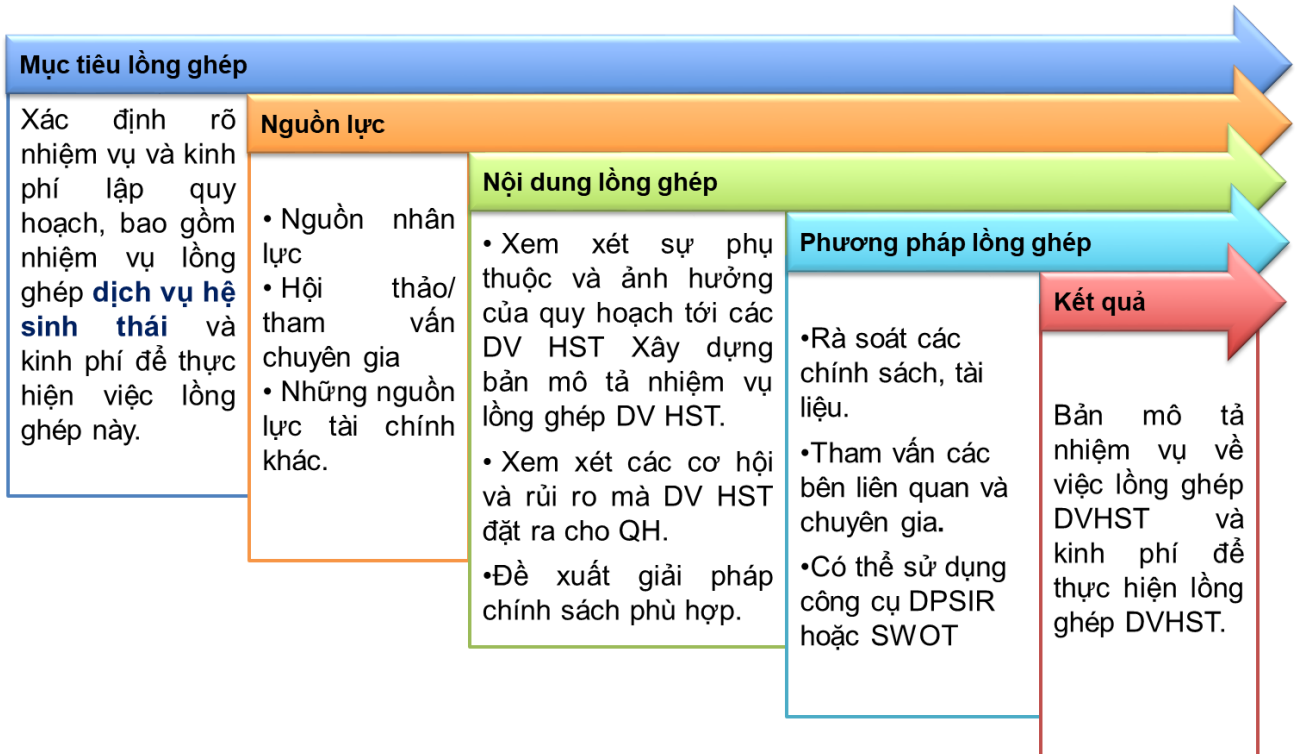
Cơ quan lập quy hoạch phối hợp với các bên liên quan. Đối với quy hoạch tổng thể cấp quốc gia thì các bên có liên quan là các bộ ngành, còn đối với quy hoạch cấp tỉnh thì các bên có liên quan là các sở thuộc UBND tỉnh/thành phố và UBND các huyện.

Kết quả lồng ghép

- ❖ Bản mô tả nhiệm vụ về lồng ghép DV HST.
- ❖ Dự toán kinh phí lồng ghép DV HST.

Các nội dung lồng ghép DV HST trong Bước A được tóm tắt trong Bảng 2.

Bảng 2. Mục tiêu, nguồn lực, nội dung, phương pháp và kết quả lồng ghép DV HST trong Bước A



Hộp 2. Ví dụ bản mô tả tóm tắt nhiệm vụ về việc lồng ghép DV HST trong quy hoạch tỉnh

Tổ chức tư vấn lập quy hoạch (Bên B) có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan ở địa phương (sở, UBND cấp huyện) thực hiện các nhiệm vụ sau:

- 1) *Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, số liệu/tư liệu cần thu thập và kết quả chính cho việc lồng ghép DV HST trong quy hoạch tỉnh.*
- 2) *Xem xét, đánh giá sự phụ thuộc và ảnh hưởng của các ngành quan trọng / ngành mũi nhọn tới các DV HST, bao gồm việc xác định phạm vi lồng ghép (không gian, thời gian và nội dung) và*

sàng lọc và sắp xếp thứ tự ưu tiên các DV HST quan trọng cho các ngành quan trọng / ngành mũi nhọn đó.

- 3) Xem xét, đánh giá những cơ hội và rủi ro do các DV HST đặt ra cho ngành quan trọng / ngành mũi nhọn, bao gồm việc xác định điều kiện, xu hướng và sự đánh đổi về DV HST và đánh giá về thể chế, chính sách liên quan tới các DV HST đó.
- 4) Đề xuất được những giải pháp chính sách để tận dụng tối đa lợi ích mà DV HST đem lại và hạn chế đến mức thấp nhất những chi phí hay thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch.

NHỮNG HƯỚNG DẪN CHUNG NHẪM LỒNG GHÉP DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI VÀO NHIỆM VỤ QUY HOẠCH TỈNH, ÁP DỤNG CHO TỈNH KIÊN GIANG, AN GIANG VÀ BẠC LIÊU CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Một trong những yêu cầu quan trọng khi xây dựng nhiệm vụ quy hoạch là đảm bảo rằng những nội dung của dịch vụ hệ sinh thái phải được lồng ghép hoặc xem xét một cách hợp lý trong các nội dung cụ thể của nhiệm vụ quy hoạch của tỉnh.

Nói một cách khái quát, theo Báo cáo Đánh giá Hệ sinh thái Thiên niên kỷ (2005) các dịch vụ hệ sinh thái (DV HST) là những lợi ích mà hệ sinh thái cung cấp cho con người, bao gồm: (i) *Dịch vụ cung cấp*: cung cấp thức ăn, nước, củi và chất xơ (ví dụ như rừng cung cấp củi, thức ăn, lâm sản ngoài gỗ, nước, v.v...); (ii) *Dịch vụ điều tiết*: đem lại các lợi ích về điều hòa khí hậu, chống xói mòn, sạt lở đất hay lọc nước ô nhiễm và kiểm soát bệnh tật (ví dụ như rừng giúp giảm/chống xói mòn đất, sạt lở đất, rừng ngập mặn (RNM) chống xâm nhập mặn); (iii) *Dịch vụ văn hóa*: đem lại các lợi ích về giải trí, mỹ thuật và tâm linh (như các khu bảo tồn, vườn quốc gia là địa điểm tham quan/du lịch, danh lam thắng cảnh để mọi người đến thưởng thức); (iv) *Dịch vụ hỗ trợ* là các dịch vụ hỗ trợ cho quá trình hình thành đất, duy trì chu trình dinh dưỡng, hỗ trợ quá trình quang hợp và quá trình thụ phấn của các loài thực vật.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, sự phát triển bền vững trong thời gian tới của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cần được định hướng theo hướng “Thuận thiên”, tức là sự phát triển kinh tế - xã hội phải được thực hiện một cách hài hòa với thiên nhiên, môi trường. Định hướng phát triển này đã được thể hiện rõ trong 2 văn kiện quan trọng của Chính phủ, đó là:

i) *Nghị quyết về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính phủ (Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017);*

ii). *Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu (Nghị quyết số 417/QĐ-TTg, ký ngày 13/4/2019).*

Ngoài ra, một văn bản quan trọng có tính định hướng cho sự phát triển bền vững của toàn bộ Việt Nam từ nay cho đến năm 2030 là Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Quyết định Số 622/QĐ-TTg, ngày 10/5/2017), bao gồm 17 Mục tiêu phát triển bền vững và 115 mục tiêu cụ thể.

Như vậy, những định hướng, quan điểm, mục tiêu, nội dung của các văn bản của Chính phủ nêu trên phải được xem xét, tích hợp và thích ứng với điều kiện của các tỉnh cụ thể như tỉnh Kiên Giang, An Giang và Bạc Liêu trong quá trình xây dựng và thực hiện Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh.

Hộp 3. Một số chính sách quan trọng có liên quan trực tiếp của tỉnh Kiên Giang

+ **Chính sách về phát triển bền vững:** Kế hoạch thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang của UBND tỉnh Kiên Giang (QĐ số: 124/KH-UBND, 25/07/2018). Đây là những định hướng lớn của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển bền vững thực hiện trên địa bàn của tỉnh cho tới năm 2030.

+ **Chính sách phát triển bền vững về kinh tế:** Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2030 (QĐ Số: 95/KH-UBND, 11/05/2018). Đây là định hướng quan trọng thúc đẩy phát triển bền vững về mặt kinh tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Kế hoạch này không những góp phần thực hiện những cam kết của chính phủ đối với quốc tế trong lĩnh vực biến đổi khí hậu mà chính sách này cũng góp phần đảm bảo cho các hoạt động kinh tế phù hợp với những giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Hộp 4. Một số chính sách quan trọng có liên quan trực tiếp của tỉnh An Giang

+ **Chính sách về phát triển bền vững:** “Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang (QĐ số 1015/QĐ-UBND, 8/5/2018)”. Đây là những định hướng lớn của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển bền vững thực hiện trên địa bàn của tỉnh cho tới năm 2030.

+ **Chính sách phát triển bền vững về kinh tế:** Kế hoạch hành động phát triển đô thị tăng trưởng xanh tỉnh An Giang đến năm 2030 (QĐ số 1134/QĐ-UBND, 23/5/2018). Đây là định hướng quan trọng thúc đẩy phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

+ **Chính sách bảo tồn đa dạng sinh học:** Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (QĐ số 2566/QĐ-UBND, 15/9/2016). Bản quy hoạch này sẽ được xem xét như là một hợp phần quy hoạch của Quy hoạch tỉnh An Giang và việc bảo tồn và sử dụng bền vững giá trị đa dạng sinh học sẽ đảm bảo sự phát triển các ngành thủy sản và du lịch là thế mạnh của tỉnh. Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 (QĐ Số 202/-UBND, 13/4/2017) đã cụ thể hóa quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh.

+ **Chính sách bảo vệ môi trường:** Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh An Giang đến năm 2020 (QĐ số 1566/QĐ-UBND, 25/8/2010). Bản quy hoạch này là một định hướng quan trọng kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

Hộp 5. Một số chính sách quan trọng có liên quan trực tiếp của tỉnh Bạc Liêu

+ **Chính sách về phát triển bền vững vùng:** Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bạc Liêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu số 20/2013/NQ-HĐND, 06/12/2013). Bản quy hoạch này là định hướng quan trọng trong tích hợp vùng tỉnh Bạc Liêu trong Quy hoạch của tỉnh, đặc biệt để Quy hoạch đảm bảo phù hợp và liên kết chặt chẽ với quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các vùng kinh tế trọng điểm và định hướng phát triển theo mô hình kinh tế xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững.

+ **Chính sách phát triển bền vững về kinh tế:** Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 (QĐ Số: 368/QĐ-UBND, 14/03/2018). Đây là định hướng quan trọng thúc đẩy phát triển bền vững về mặt kinh tế trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

+ **Chính sách bảo tồn đa dạng sinh học:** Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (QĐ số 1665/QĐ-UBND, 18/9/2017). Bản quy hoạch này sẽ được xem xét như là một hợp phần quy hoạch của Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu và việc bảo tồn và sử dụng bền vững giá trị đa dạng sinh học sẽ đảm bảo cho sự phát triển các ngành thủy sản và du lịch là thế mạnh của tỉnh.

NHỮNG HƯỚNG DẪN CỤ THỂ NHẪM LÒNG GHÉP DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI VÀO NHIỆM VỤ QUY HOẠCH TỈNH ÁP DỤNG CHO TỈNH KIÊN GIANG, AN GIANG VÀ BẠC LIÊU CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Căn cứ theo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới xây dựng Quy hoạch tỉnh, đặc biệt là các văn bản Luật:

1). Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; 2). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; 3). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; 4) Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

và các văn bản quan trọng khác như: 1) Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 2). Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch; 3). Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Giải thích một số điều của Luật Quy hoạch,

các nội dung chính của Dự thảo Nhiệm vụ lập Quy hoạch thường bao gồm 6 phần như sau:

1). PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU LẬP QUY HOẠCH

2). PHẦN 2. NỘI DUNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH TỈNH

3). PHẦN 3: XÂY DỰNG DỰ TOÁN DỰ ÁN QUY HOẠCH TỈNH

4). PHẦN 4: HÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN, QUY CÁCH HỒ SƠ SẢN PHẨM QUY HOẠCH

5). PHẦN 5: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUY HOẠCH TỈNH

6). PHẦN 6: TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP QUY HOẠCH TỈNH.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ Tài liệu kỹ thuật hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái vào nhiệm vụ quy hoạch tỉnh thì Phần 1 “Các căn cứ, quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu lập quy hoạch” và Phần 2 “Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh” được hướng dẫn cụ thể.

Phần 1 “Các căn cứ, quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu lập quy hoạch” thường bao gồm 3 mục chính, như sau:

1.1. Căn cứ xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch

1.2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

1.3. Yêu cầu lập quy hoạch

Phần 2 “Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh” thường bao gồm 2 mục chính như sau:

2.1. Nội dung nhiệm vụ nghiên cứu của quy hoạch tỉnh

2.2. Các nội dung đề xuất để tích hợp vào quy hoạch tỉnh

Nội dung sau đây là những gợi ý và hướng dẫn để xây dựng Nhiệm vụ quy hoạch theo 2 Phần quan trọng ở trên.

Bảng 3. Những điểm lưu ý khi xem xét lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái theo các nội dung của Dự thảo nhiệm vụ quy hoạch

<i>STT</i>	<i>Các hạng mục hoặc nội dung trong Dự thảo nhiệm vụ quy hoạch</i>	<i>Những điểm lưu ý khi xem xét nội dung lồng ghép dịch vụ HST</i>	<i>Những căn cứ hoặc lý giải</i>
1	PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU LẬP QUY HOẠCH		
1.1.	Căn cứ xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch	Cần bổ sung 4 văn kiện: 1). Nghị quyết về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính phủ (120/NQ-CP, 17/11/2017); 2). Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP (417/QĐ-TTg, 13/4/2019); 3). Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Số 622/QĐ-TTg, ngày 10/5/2017); 4). Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long	Đây là định hướng rất quan trọng cho sự phát triển bền vững tại ĐB Sông Cửu Long, bao gồm tỉnh Kiên Giang, An Giang và Bạc Liêu
1.2.	Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch	<p>Cần bổ sung và nhấn mạnh quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc được thể hiện trong 3 văn kiện cấp quốc gia và vùng (120/NQ-CP, 417/QĐ-TTg, 622/QĐ-TTg) và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó đặc biệt chú ý tới định hướng phát triển bền vững ở các cấp, quốc gia, vùng và tỉnh.</p> <p>Nhấn mạnh tính “Thuận thiên”, quy hoạch của tỉnh phải đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội phải được thực hiện một cách hài hòa với thiên nhiên, môi trường, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu.</p> <p>Trong đó, cần nhấn mạnh quan điểm lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái vào trong các nội dung quy hoạch là một cách thức hữu hiệu nhằm cụ thể hóa việc hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội với thiên nhiên, môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu.</p>	<p>3 văn bản (120/NQ-CP, 417/QĐ-TTg, 622/QĐ-TTg) và của tỉnh An Giang (1015/QĐ-UBND, 8/5/2018) liên quan trực tiếp tới Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch của tỉnh An Giang.</p> <p>Nội dung về “Bảo vệ môi trường”, “Dịch vụ HST”, ”Đa dạng sinh học/Hệ sinh thái” và ”BĐKH” được quan tâm trong Luật Quy hoạch (vd. Điều 4, 18, 21, 22, 23, 25, 27)</p> <p>-Nội dung về “Hệ sinh thái” “Dịch vụ HST”, cũng được nhấn mạnh trong Nghị định 37 hướng dẫn Luật Quy hoạch (vd. Điều 21, 24, 25 và các Phụ lục).</p> <p>-Lồng ghép dịch vụ HST vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển được nhấn mạnh trong Mục tiêu 15.4 (622/QĐ-TTg; 1015/QĐ-UBND, 8/5/2018).</p>

1.3.	Yêu cầu lập quy hoạch	<p>-Cách tiếp cận dựa trên hệ sinh thái (Ecosystem-Based Approach) và cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu (Ecosystem-Based Adaptation to CC) cần được cân nhắc áp dụng trong Yêu cầu về phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch</p> <p>-Các cách tiếp cận này kết hợp với lồng ghép/xem xét dịch vụ HST có thể được coi như là một công cụ hữu hiệu và đơn giản để có thể đạt được sự hài hòa giữa phát triển các ngành/lĩnh vực có thế mạnh của địa phương với duy trì các giá trị của tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại địa phương.</p> <p>-Nói cách khác, việc áp dụng các cách tiếp cận này giúp xác định và phát triển các ngành/lĩnh vực mũi nhọn/chính mà không làm tổn hại tới nhiên nhiên, môi trường và hơn nữa, những giá trị của tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh (đa dạng sinh học, các hệ sinh thái và các loài đặc trưng...) lại góp phần thúc đẩy các ngành/lĩnh vực một cách bền vững.</p> <p>-Việc áp dụng các cách tiếp cận này, về bản chất, là thực hiện hiện ý tưởng “Thuận thiên” trong phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện thiên nhiên và môi trường tại địa phương, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hiện tượng cực đoan ngày càng gia tăng trong thời gian tới.</p>	<p>-Cách tiếp cận dựa trên HST được Bộ TN&MT khuyến cáo thực hiện trong công tác bảo tồn ĐDSH gắn với phát triển KT-XH.</p> <p>-Cách tiếp cận thích ứng với BĐKH (EbA) dựa trên HST được một số địa phương áp dụng trong thích ứng với BĐKH trong phát triển KT-XH.</p>
2	PHẦN 2. NỘI DUNG NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH TỈNH		
2.1.	I. NỘI DUNG NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU CỦA QUY HOẠCH TỈNH		
2.1.1.	<i>NHIỆM VỤ 1: ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, THU THẬP VÀ XỬ LÝ, TỔNG HỢP TÀI LIỆU, SỐ LIỆU</i>	<p>Nhiệm vụ này phải góp phần xác định rõ mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, số liệu/tư liệu cần thu thập nhằm thực hiện việc lồng ghép hoặc xem xét DV HST trong quy hoạch tỉnh.</p> <p>Nhiệm vụ này cần chú ý thu thập tài liệu, khảo sát và xử lý thông tin liên quan đến hiện trạng các hệ sinh thái điển hình cũng như các dịch vụ HST của chúng. Cụ thể, thông tin số liệu sau cần được thu thập và tổng hợp: i) Rà soát các Khu bảo tồn/Vườn quốc gia, các khu rừng đặc dụng, hành lang</p>	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch chưa bảo vệ môi trường.</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ</p>

		ĐDSH và hệ sinh thái điển hình của tỉnh; ii) Xem xét hiện trạng diễn biến và áp lực/tác động lên các khu này, đồng thời liên hệ với dịch vụ mà chúng cung cấp (dịch vụ cung cấp, điều tiết, văn hóa và hỗ trợ).	hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”.
2.1.2.	<i>NHIỆM VỤ 2: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO VỀ CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA TỈNH</i>	Nhiệm vụ này phải góp phần xác định rõ kết quả chính cho việc lồng ghép hoặc xem xét DV HST trong quy hoạch tỉnh trong yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Đặc biệt đánh giá vai trò của ĐDSH (HST, loài, gen, DV HST) trong phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh, cụ thể là các ngành, lĩnh vực này phụ thuộc hay ảnh hưởng/tác động thế nào đối với ĐDSH, và ngược lại ĐDSH tạo cơ hội hoặc thúc đẩy sự phát triển các ngành, lĩnh vực như thế nào.	Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường. Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”
2.1.3.	<i>NHIỆM VỤ 3: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN</i>	Nhiệm vụ này phải góp phần xác định rõ kết quả chính cho việc lồng ghép hoặc xem xét DV HST trong quy hoạch tỉnh, đặc biệt xem xét thực trạng phát triển KT-XH, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị ảnh hưởng hoặc phụ thuộc như thế nào vào các hệ sinh thái điển hình của tỉnh cũng như các DV HST của chúng.	Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu. Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường. Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”
2.1.4.	<i>NHIỆM VỤ 4: XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH</i>	Quan điểm mục tiêu phát triển của tỉnh phải gắn với quan điểm và mục tiêu phát triển bền vững của ĐB sông Cửu Long nói chung, của tỉnh nói riêng, đặc biệt chú ý tới khía cạnh phát triển phải hài hòa với thiên nhiên, môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu (Thuận thiên). Tóm lại, quan điểm phát	3 văn bản về phát triển bền vững của Đồng bằng sông Cửu Long (120/NQ-CP, 417/QĐ-TTg, 622/QĐ-TTg) và các chính sách về PTBV của các tỉnh liên quan trực tiếp tới Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch tỉnh.

		<p>triển bền vững phải là mục tiêu dài hạn, là định hướng chủ yếu cho tỉnh trong quá trình lập quy hoạch cũng như quá trình thực hiện sau này.</p> <p>Trong đó, cần nhấn mạnh quan điểm lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái vào trong các nội dung quy hoạch là một cách thức hữu hiệu nhằm cụ thể hóa việc hài hòa giữa phát triển kinh tế xã hội với thiên nhiên, môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu.</p>	
2.1.5.	<i>NHIỆM VỤ 5: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG TRÊN ĐỊA BẢN TỈNH</i>	<p>Trong khi xác định phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh, cần xác định thứ tự ưu tiên cho các DV HST có liên quan nhất với quy hoạch phát triển và các đối tượng mục tiêu/đối tượng hưởng lợi cũng như bị ảnh hưởng của quy hoạch phát triển.</p> <p>Đồng thời, cần xem xét sự phụ thuộc và ảnh hưởng của các ngành quan trọng / ngành mũi nhọn tới các DV HST, bao gồm việc xác định phạm vi lồng ghép (không gian, thời gian và nội dung) và sàng lọc và sắp xếp thứ tự ưu tiên các DV HST quan trọng cho các ngành quan trọng / ngành mũi nhọn đó.</p> <p>Như vậy, theo cách tiếp cận này, những ngành/lĩnh vực quan trọng nào hỗ trợ cho sự phát triển các dịch vụ hệ sinh thái thì được ưu tiên, những ngành/lĩnh vực quan trọng nào phải phụ thuộc nhiều hoặc tác động tiêu cực lên các dịch vụ hệ sinh thái thì cần phải xem xét cẩn trọng.</p>	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).</p> <p>Nghị quyết về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính phủ (120/NQ-CP, 17/11/2017), và Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP (417/QĐ-TTg, 13/4/2019).</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”</p>
2.1.6.	<i>NHIỆM VỤ 6: LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI</i>	<p>Trong khi lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội, cần xem xét, đánh giá những cơ hội và rủi ro do các DV HST đặt ra cho ngành quan trọng / ngành mũi nhọn, bao gồm việc xác định điều kiện, xu hướng và sự đánh đổi về DV HST và đánh giá về thể chế, chính sách liên quan tới các DV HST đó.</p>	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng</p>

		<p>Hơn nữa, cũng cần đề xuất được những giải pháp chính sách để tận dụng tối đa lợi ích mà DV HST đem lại và hạn chế đến mức thấp nhất những chi phí hay thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện quy hoạch.</p> <p>Hay nói cách khác, việc lựa chọn các ngành quan trọng phát triển của tỉnh và lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội phải được xem xét, đánh giá cẩn trọng dựa trên thế mạnh của địa phương về tài nguyên, môi trường, đặc biệt là giá trị DV HST, cũng như hạn chế tối đa sự phát triển làm ảnh hưởng (thường là tiêu cực) tới tài nguyên thiên nhiên, môi trường và DV HST.</p>	<p>sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.)</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”</p>
2.1.7.	<i>NHIỆM VỤ 7: XÂY DỰNG CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ</i>	<p>Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi xây dựng các nhiệm vụ cụ thể.</p> <p>Việc áp dụng tư duy lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ trong xây dựng các nội dung cụ thể góp phần phát huy tối đa những ưu thế cạnh tranh của địa phương trong phát triển kinh tế xã hội, đồng thời giảm thiểu được những tác động tiêu cực của quá trình phát triển lên tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học tại địa phương.</p> <p>Ví dụ sau đây nhằm làm rõ yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ HST trong nội dung cụ thể.</p>	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”</p>
	<i>Nội dung liên quan tới Lập nội dung phương án bảo vệ môi trường</i>	<p>Việc lồng ghép/xem xét dịch vụ hệ sinh thái không những đảm bảo thực hiện những nội dung theo yêu cầu (ví dụ như lập phương án sắp xếp, phân bố không gian, phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) nhằm bảo tồn được những giá trị này, mà quan trọng hơn là đảm bảo những giá trị của tài nguyên thiên nhiên này góp phần vào sự phát triển các ngành/lĩnh vực trọng yếu của địa phương. Như vậy, vai trò của thiên nhiên, môi trường, đa dạng sinh học (hệ sinh thái, loài đặc trưng) được xác định rõ trong quá trình</p>	

		phát triển của địa phương.	
	<i>Nội dung liên quan tới Lập nội dung phương án phát triển nông, lâm, ngư nghiệp</i>	Việc lồng ghép/xem xét dịch vụ hệ sinh thái không những đảm bảo thực hiện những nội dung theo yêu cầu (ví dụ như lập nội dung phương án phát triển các vùng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản theo hướng phát huy thế mạnh tại địa phương) mà còn đảm bảo những giá trị thiên nhiên, môi trường, đa dạng sinh học thúc đẩy sự phát triển bền vững của các ngành sản xuất này (thông qua duy trì và phát triển các dịch vụ hệ sinh thái, như cung cấp nước sạch, duy trì bãi đẻ của cá, đảm bảo chức năng xử lý ô nhiễm, phòng chống thiên tai...). Như vậy, cách tiếp cận này góp phần đảm bảo hiệu quả cho các hoạt động sản xuất này.	
	<i>Nội dung liên quan tới Lập phương án phát triển hệ thống khu du lịch</i>	Thiên nhiên, môi trường, đa dạng sinh học (hệ sinh thái, cảnh quan, loài, nguồn nước sạch ...) luôn là một trong những tài nguyên du lịch quan trọng mà ngành du lịch luôn phụ thuộc vào. Cách tiếp cận dựa trên hệ sinh thái không những đảm bảo cho ngành du lịch phát triển bền vững về mặt kinh tế, nhưng đồng thời cũng là giải pháp để bảo tồn, phục hồi và tái tạo giá trị thiên nhiên, môi trường và đa dạng sinh học theo hướng hài hòa giữa con người và thiên nhiên, đặc biệt cho lĩnh vực du lịch sinh thái đang ngày phát triển trong thời gian gần đây.	
2.1.8.	<i>NHIỆM VỤ 8: LẬP PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP QUẬN, HUYỆN</i>	Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi thực hiện nhiệm vụ 8.	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).</p>

2.1.9.	<i>NHIỆM VỤ 9: PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN</i>	Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi thực hiện nhiệm vụ 9.	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”</p>
2.1.10.	<i>NHIỆM VỤ 10: PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</i>	<p>Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi thực hiện nhiệm vụ 10.</p> <p>Đặc biệt, cần phân tích đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, các hệ sinh thái đặc trưng trong vùng, xu thế thay đổi cũng như áp lực của phát triển kinh tế - xã hội lên các hệ sinh thái đó. Ngoài ra, cũng cần xem xét và xác định thứ tự ưu tiên cho các DV HST có liên quan nhất với quy hoạch phát triển cũng như sự phụ thuộc và ảnh hưởng của các ngành quan trọng / ngành mũi nhọn tới các DV HST để có phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh một cách phù hợp.</p>	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”</p>
2.1.11.	<i>NHIỆM VỤ 11: PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ KHAI THÁC, SỬ</i>	Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi thực hiện nhiệm vụ 11.	Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng

	<i>DỰNG TÀI NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</i>		<p>xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”</p>
2.1.12.	<i>NHIỆM VỤ 12: PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA</i>	<p>Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi thực hiện nhiệm vụ 12.</p>	<p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).</p> <p>Tham khảo thêm “Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”</p>
2.1.13.	<i>NHIỆM VỤ 13: PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</i>	<p>Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi thực hiện nhiệm vụ 13.</p> <p>Cần bổ sung yêu cầu áp dụng thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái (EbA) như một cách tiếp cận chính trong xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).</p>
2.1.14.	<i>NHIỆM VỤ 14: XÂY DỰNG DANH MỤC DỰ ÁN CỦA TỈNH VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN</i>	<p>Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong khi thực hiện nhiệm vụ 14.</p>	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ</p>

			môi trường.).
2.1.15.	<i>NHIỆM VỤ 15: XÂY DỰNG GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH</i>	Cần cân nhắc phân bố những nguồn lực phù hợp (như nhân lực, tài lực, vật lực và cơ sở dữ liệu/mạng lưới thông tin) cho những nội dung quy hoạch liên quan tới quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái phục vụ cho phát triển bền vững của địa phương.	
2.1.16.	<i>NHIỆM VỤ 16: XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢN ĐỒ</i>	Xây dựng danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện cần bổ sung yêu cầu phân tích lựa chọn thông qua các tiêu chí ưu tiên, trong đó có ưu tiên đối với tiêu chí về lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong thúc đẩy phát triển bền vững của địa phương.	Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.).
2.1.17.	<i>NHIỆM VỤ 17: XÂY DỰNG BÁO CÁO QUY HOẠCH TỈNH</i>	Báo cáo cần nhấn mạnh vai trò của tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, các hệ sinh thái đặc trưng và dịch vụ hệ sinh thái của chúng trong phát triển các ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương.	Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu. Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường..
2.1.18.	<i>NHIỆM VỤ 18: XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC</i>	Cần bổ sung yêu cầu lồng ghép hoặc xem xét dịch vụ hệ sinh thái trong xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Trước khi lập quy hoạch, các nhà lập quy hoạch phải tiến hành các nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau, trong đó có việc rà soát các mục tiêu và các vấn đề về môi trường, đặc biệt liên quan tới bảo tồn đa dạng sinh học (hệ sinh thái và các loài đặc trưng) trong vùng quy hoạch. Trong quá khứ, các nghiên cứu thường tập trung vào việc xác định các khu vực/vùng lãnh thổ nhạy cảm về mặt môi trường và các khu	Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường..

		vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhằm đề ra các biện pháp bảo vệ môi trường hay quản lý các khu vực này. Khi thực hiện ĐMC, các nghiên cứu và phân tích này có thể được kết hợp hay lồng ghép vào phân tích ĐMC.	
2.1.19.	<i>NHIỆM VỤ 19: XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ QUY HOẠCH TỈNH</i>	Cần chú ý xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc trưng và các dịch vụ hệ sinh thái của chúng một cách đồng bộ và có phương án cho các đối tượng có liên quan tiếp cận sử dụng một cách hiệu quả.	Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.
2.2.	CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT ĐỂ TÍCH HỢP VÀO QUY HOẠCH TỈNH	Nhiều nội dung tích hợp cho các hoạt động phát triển cần cân nhắc xem xét khía cạnh bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái trong bối cảnh biến đổi khí hậu.	<p>Các chính sách về phát triển bền vững và của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.</p> <p>Các chính sách về tăng trưởng xanh/kinh tế xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>Các chính sách về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ môi trường của các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, như Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và quy hoạch bảo vệ môi trường.</p>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

GIZ, 2012. Lồng ghép các dịch vụ HST vào quy hoạch phát triển – Cách tiếp cận từng bước cho người thực hành dựa trên tiếp cận TEEB. Bonn, Germany.

Viện Tài nguyên và Môi trường (VNU-CRES) và Tổ chức Phát triển của Đức (GIZ), 2018. Sổ tay hướng dẫn lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái trong quá trình lập quy hoạch ở Việt Nam”. Sổ tay hướng dẫn này biên soạn dựa trên tài liệu “Lồng ghép các DV HST vào quy hoạch phát triển: Cách tiếp cận từng bước cho người thực hành dựa trên tiếp cận TEEB”. 66 trang.

UBND tỉnh An Giang, 2019. Báo cáo sơ bộ thuyết minh nhiệm vụ “Lập quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

UBND tỉnh Bạc Liêu, 2019. Báo cáo sơ bộ thuyết minh nhiệm vụ “Lập quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

UBND tỉnh Kiên Giang, 2019. Báo cáo sơ bộ thuyết minh nhiệm vụ “Lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

Các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh An Giang, Bạc Liêu và Kiên Giang

Programme on Conservation, Sustainable Use of
Forest Biodiversity and Ecosystem Services in Viet Nam

Unit 021, 2nd Floor, Coco Building
14 Thụy Khue Str., Tay Ho District, Hanoi, Viet Nam

T: +84 24 39 32 95 72

E: office.biodiversity@giz.de

I: www.giz.de/viet-nam

<https://snrd-asia.org/conservation-and-sustainable-use-of-biodiversity-and-ecosystem-services-of-forests-in-vietnam/>

